

BỘ 05 ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN 3

ĐỀ SỐ 1:

Câu 1: (1đ): Khoanh vào trước đáp án đúng:

a) Rút gọn phân số $\frac{36}{54}$ ta được phân số tối giản nào dưới đây?

A. $\frac{18}{27}$

B. $\frac{12}{18}$

C. $\frac{4}{6}$

D. $\frac{2}{3}$

b) Số nào thích hợp điền vào chỗ chấm?

$$\frac{24}{30} = \frac{\dots}{5}$$

A. 15

C. 4

B. 21

D. 5

Câu 2: (1đ) Khoanh vào trước đáp án đúng:

a) Bản đồ sân vận động vẽ theo tỉ lệ 1: 1 000. Hỏi độ dài 1mm trên bản đồ này ứng với độ dài thật là bao nhiêu mét?

A. 1000m

B. 1 000km

C. 10m

D. 1m

b) Có 3 viên bi màu xanh và 7 viên bi màu đỏ. Vậy tỉ số của số viên bi màu xanh so với viên bi màu đỏ là:

A. $\frac{3}{10}$

B. $\frac{7}{10}$

C. $\frac{3}{7}$

D. $\frac{7}{3}$

Câu 3: (1đ): Nối số đo diện tích với hình tương ứng:

Hình chữ nhật

Hình bình hành

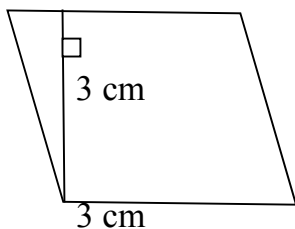
Hình thoi

Hình vuông



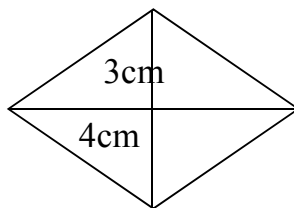
4 cm

6 cm²

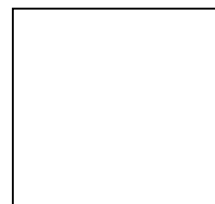


3 cm

7 cm²



8 cm²



9 cm²

Câu 4: (1đ): Tính

a) $\frac{1}{2} + \frac{2}{5} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{3}{4} - \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

Câu 5: (1đ): Đặt tính rồi tính:

a) 27 585 + 485 396

b) 218 152 : 536

.....
.....
Câu 6: (1đ): Tìm x :

a) $\frac{2}{5} + x = 4$

b) $\frac{8}{7} : x = \frac{4}{5}$

.....
.....
.....
.....

Câu 7: (1điểm): Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{1}{2} \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

c) 1 tấn $\frac{1}{4}$ tạ = $\dots\dots\dots$ kg

Câu 8: (1đ): Trung bình cộng tuổi anh và tuổi em là 12 tuổi. Biết anh 15 tuổi. Hỏi em bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Câu 9: (1đ): Một sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là 125m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích sân trường đó?

Bài giải

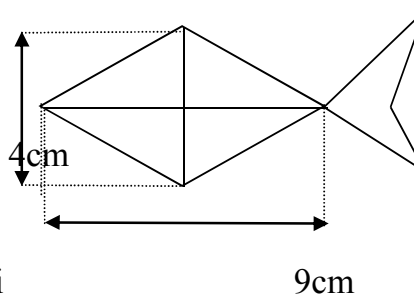
.....
.....
.....
.....

Câu 10: (1điểm):

An dùng giấy màu để cắt thành hình con cá

(như hình vẽ). Biết diện tích phần đuôi cá là 8 cm^2

Tính diện tích con cá.



Bài giải

.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 01

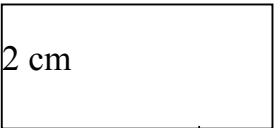
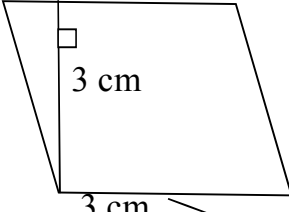
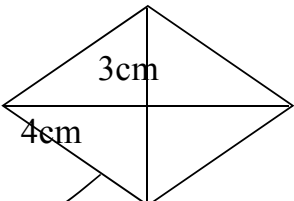
Câu 1: (1 điểm): Mỗi câu chọn đúng được 0,5 điểm.

Đáp án: Câu a : D Câu b : C

Câu 2: (1 điểm): Mỗi câu chọn đúng được 0,5 điểm.

Đáp án: Câu a : D Câu b : C

Câu 3: (1 điểm): Mỗi hình nối đúng với số đo diện tích của hình 0,25 điểm.

Hình chữ nhật	Hình bình hành	Hình thoi	Hình vuông
 2 cm 4 cm	 3 cm 3 cm	 3 cm 4 cm	 3 cm
6 cm² 7 cm² 8 cm² 9 cm²			

Câu 4: (1 điểm): Mỗi câu đúng: 0,5 điểm.

a) $\frac{1}{2} + \frac{2}{5} = \frac{5}{10} + \frac{4}{10} = \frac{9}{10}$

b) $\frac{3}{4} - \frac{2}{3} = \frac{9}{12} - \frac{8}{12} = \frac{1}{12}$

Câu 5: (1đ): Mỗi phép tính đặt tính và tính đúng: 0,5 điểm.

a) $27\ 585 + 485\ 396$

$$\begin{array}{r}
 27\ 585 \\
 + \\
 485\ 396 \\
 \hline
 512\ 981
 \end{array}$$

b) $218\ 152 : 536$

$$\begin{array}{r|l}
 218\ 152 & 536 \\
 03\ 752 & 407 \\
 \hline
 & 000
 \end{array}$$

Câu 6: (1đ): Mỗi câu đúng: 0,5 điểm.

a) $\frac{2}{5} + x = 4$

$$x = 4 - \frac{2}{5}$$

$$x = \frac{18}{5}$$

b) $\frac{8}{7} : x = \frac{4}{5}$

$$x = \frac{8}{7} : \frac{4}{5}$$

$$x = \frac{10}{7}$$

Câu 7: (1điểm): Mỗi chỗ chấm điền đúng: 0,5 điểm.

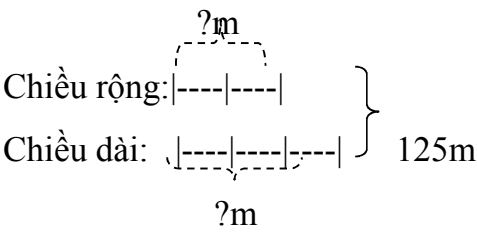
a) $\frac{1}{2} \text{ km}^2 = 500\,000 \text{ m}^2$

c) 1 tấn $\frac{1}{4}$ tạ = 1 025 kg

Câu 8: (1đ): Trung bình cộng tuổi anh và tuổi em là 12 tuổi. Biết anh 15 tuổi. Hỏi em bao nhiêu tuổi?

Tổng số tuổi của hai anh em là: $12 \times 2 = 24$ (tuổi)	0,5 điểm
Tuổi của em là: $24 - 15 = 9$ (tuổi)	0,5 điểm
Đáp số: 9 tuổi	

Câu 9: (1đ): Một sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là 125m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích sân trường đó?

Ta có sơ đồ:  Chiều rộng: $\frac{2}{5}$ phần Chiều dài: $\frac{3}{5}$ phần Tổng chiều dài và chiều rộng: 125m	0,25 điểm
Theo sơ đồ ta có tổng số phần bằng nhau là: $2 + 3 = 5$ (phần) Giá trị của 1 phần là: $125 : 5 = 25$ (m) Chiều rộng sân trường đó là: $25 \times 2 = 50$ (m) Chiều dài sân trường đó là: $25 \times 3 = 75$ (m)	0,5 điểm
Diện tích sân trường đó là: $75 \times 50 = 3\,750$ (m²) Đáp số: 3 750m²	0,25 điểm

Câu 10: (1điểm):

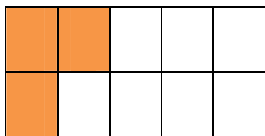
Diện tích giấy làm thân cá là: $(4 \times 9) : 2 = 18$ (cm ²)	0,5 điểm
Diện tích con cá đó là: $18 + 8 = 26$ (cm ²)	0,5 điểm
Đáp số: 26 cm ²	

ĐỀ 02

Phần thứ nhất. Trắc nghiệm (6 điểm)

Mỗi bài tập dưới đây có kèm theo một số câu trả lời A, B, C, D (là đáp số, kết quả tính).
Hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Phân số chỉ phần đã tô đậm trong hình dưới đây là:



- A. $\frac{3}{7}$ B. $\frac{3}{10}$ C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{7}{3}$

2. Phân số lớn hơn 1 là:

- A. $\frac{3}{2}$ B. $\frac{10}{10}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{99}{100}$

3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm của $18 \text{ m}^2 9 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$ là:

- A. 189 B. 1890 C. 1809 D. 18900

4. Phân số $\frac{5}{25}$ rút gọn được phân số:

- A. $\frac{25}{25}$ B. $\frac{1}{25}$ C. $\frac{1}{5}$ D. $\frac{1}{10}$

5. Hình bình hành có độ dài đáy và chiều cao là 7cm và 4cm. Diện tích của nó là:

- A. 12 cm B. 12 cm^2 C. 22 cm^2 D. 28 cm^2

6. Một cửa hàng có 63 chiếc xe đạp điện và Trong đó số xe loại một là 9 chiếc. Hỏi số xe loại một chiếm bao nhiêu phần số xe của cửa hàng?

- A. $\frac{1}{7}$ B. $\frac{3}{7}$ C. $\frac{9}{7}$ D. $\frac{1}{9}$

Phần thứ hai. Tự luận (4 điểm)

7. Tính

a) $\frac{4}{5} - \frac{3}{7} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{7}{9} \times \frac{6}{8} = \dots\dots\dots$

8. Một lớp học có 32 học sinh. Số học sinh trai hơn số học sinh gái là 4 em. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh trai, bao nhiêu học sinh gái?

Giải

.....

.....

.....

.....

9. Tìm x

$$\frac{2}{7} \times x = \frac{2}{3}$$

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 02

I. TRẮC NGHIỆM: (6điểm)

Câu số	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	C	C	D	A
Điểm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

II. TỰ LUẬN (4đ)

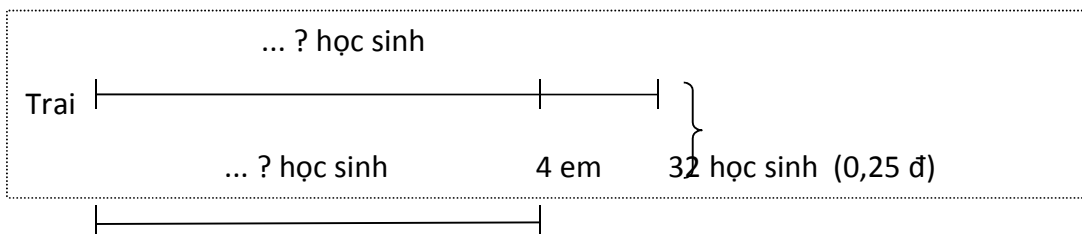
Bài 7: (1 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

a) $\frac{4}{5} - \frac{3}{7} = \frac{28}{35} - \frac{15}{35} = \frac{13}{35}$

b) $\frac{7}{9} \times \frac{6}{8} = \frac{7 \times 6}{9 \times 8} = \frac{42}{72} = \frac{7}{12}$

Bài 8 (2 điểm)

Tóm tắt:



Giải

Số học sinh trai của lớp đó là:

$$(32 + 4) : 2 = 18 \text{ (em)} \quad (0,75 \text{ đ})$$

Số học sinh gái của lớp đó là:

$$18 - 4 = 14 \text{ (em)} \quad (0,75 \text{ đ})$$

Đáp số: Học sinh trai: 18 em.

Học sinh gái : 14 em. (0,25 đ)

Bài 9 (1 điểm) Tìm X (M4)

$$\frac{2}{7} \times x = \frac{2}{3}$$

$$x = \frac{2}{3} : \frac{2}{7} \quad (0,5 \text{ đ})$$

$$x = \frac{14}{6} \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$x = \frac{7}{3} \quad (0,25)$$

ĐỀ 03

Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bài 1. Phân số $\frac{45}{9}$ bằng phân số nào dưới đây ? (TNMức 1) (Số học) (0,5đ)

A. $\frac{20}{24}$

B. $\frac{24}{20}$

C. $\frac{20}{18}$

D. $\frac{5}{1}$

Bài 2. Phân số nào nhỏ hơn 1 ? (TNMức 1) (Số học) (0,5đ)

A. $\frac{12}{11}$

B. $\frac{8}{8}$

C. $\frac{8}{11}$

D. $\frac{11}{8}$

Bài 3 : Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $4m^2 25dm^2 = \dots dm^2$ là:

(TN Mức 2)(Đại lượng) (1đ)

A. 425

B. 12500

C. 1025

D. 40225

Bài 4: Tính (TNMức 2) (Số học) (2điểm)

a) $\frac{2}{9} + \frac{3}{5} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{5}{4} - \frac{7}{6} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{2}{7} \times \frac{1}{3} = \dots\dots\dots$

d) $\frac{2}{3} : \frac{5}{7} = \dots\dots\dots$

Bài 5 : Tìm X (TNMức 3) (Số học) (1đ)

a. $x - \frac{3}{4} = \frac{3}{5}$

b. $x : \frac{1}{4} = 16$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Số thích hợp viết vào chỗ chấm $\frac{3}{5}$ phút = giây là: (TNMức 3)(Đại lượng) (1đ)

A. 60

B. 36

C. 26

D. $\frac{3}{5}$

Bài 7: Tính giá trị của biểu thức (TLMức 3)(Số học) (1điểm)

a. $(\frac{5}{3} - \frac{3}{2}) + \frac{1}{2}$

b. $\frac{2}{6} : \frac{4}{5} \times 2$

.....

.....

.....

Bài 8: Một lớp học có 20 học sinh nữ và 12 học sinh nam. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp ? (TNMức 4)(Số học) (0,5điểm)

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{2}{3}$

C. $\frac{8}{15}$

D. $\frac{20}{32}$

Bài 9: Hình thoi có diện tích là 5050 cm^2 và độ dài đường chéo thứ nhất là 50 cm. Tính độ dài đường chéo thứ hai của hình thoi ? (TLMức 4)(hình học) (1điểm)

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 10: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 30 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính diện tích và chu vi của mảnh đất đó. (TLMức 4)(Số học) (1,5điểm)

Bài giải

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 03

Câu 1: D, **Câu 2 :** C, **Câu 3:** A

Câu 4:

$$\text{a)} \frac{2}{9} + \frac{3}{5} = \frac{37}{45}$$

$$\text{b)} \frac{5}{4} - \frac{7}{6} = \frac{2}{24}$$

$$\text{c)} \frac{2}{7} \times \frac{1}{3} = \frac{2}{21}$$

$$\text{d)} \frac{2}{3} : \frac{5}{7} = \frac{2}{3} \times \frac{7}{5} = \frac{14}{15}$$

Câu 5:

$$\text{a/} \frac{27}{20}$$

$$\text{b/} \frac{16}{4}$$

Câu 6: B ;

Câu 7: a) 1 ; b) $\frac{20}{24}$;

Câu 8: D;

Câu 9:

Bài giải

Độ dài đáy của hình bình hành là:

$$5050 : 50 = 101 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 101cm

Câu 10:

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$20 \times \frac{3}{5} = 12 \text{ (m)}$$

Chu vi hình chữ nhật là :

$$(20 + 12) \times 2 = 64 \text{ (m)}$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$20 \times 12 = 240 \text{ (m}^2 \text{)}$$

ĐỀ 04

PHẦN I : Trắc nghiệm : (7 điểm)

Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng :

Câu 1(M1-0,5 điểm). Phân số: $\frac{78}{79}kg$ đọc là:

- A. Bảy mươi tám phần bảy mươi chín.
- B. Bảy tám phần bảy chín ki-lô-gam.
- C. Bảy mươi tám phần bảy mươi chín ki-lô-gam.
- D. Bảy mươi tám phần bảy mươi chín ki-lô-gam.

Câu 2(M3-0, 5 điểm). Phân số nào dưới đây bằng phân số : $\frac{4}{5}$?

- A. $\frac{10}{17}$
- B. $\frac{10}{5}$
- C. $\frac{28}{35}$
- D. $\frac{4}{8}$

Câu 3(M1- 0, 5 điểm). Trong các phân số: $\frac{3}{8}, \frac{7}{5}, \frac{10}{2}, \frac{5}{8}$ phân số bé nhất là:

- A. $\frac{3}{8}$
- B. $\frac{7}{5}$
- C. $\frac{10}{2}$
- D. $\frac{5}{8}$

Câu 4 (M3-0,5 điểm). Cho $\frac{24}{32} = \frac{\dots}{20}$. Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 12
- B. 15
- C. 16
- D. 20

Câu 5(M1-0,5 điểm). Cho $x : \frac{2}{5} = \frac{2}{5}$. Giá trị của x là:

- A. $\frac{4}{10}$
- B. $\frac{14}{25}$
- C. 1
- D. $\frac{4}{25}$

Câu 6(M2 -0, 5 điểm). $\frac{4}{3}$ năm = ... tháng. Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 80
- B. 48
- C. 16
- D. 4

Câu 7(M2-0,5 điểm). Giải phóng miền Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Năm đó là thuộc thế kỉ mấy?

- A. XX
- B. XIX
- C. XXI
- D. X

Câu 8(M1-0,5 điểm). $20m^2 \ 18dm^2 = \dots dm^2$. Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 38 B. 2018 C. $2018dm^2$ D. 20018

Câu 9(M3-1điểm). Tổng hai số là 40 biết số lớn bằng 3 lần số bé. Số bé là:

- A. 60 B. 30 C. 10 D. 15

Câu 10(M3-1điểm). Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là $5cm$ và $3cm$. Vậy diện tích của hình thoi là:

- A. $\frac{15}{2}cm^2$ B. $\frac{15}{2}cm$ C. $15cm^2$ D. $15cm$

Câu 11(M4-1điểm). Đoạn thẳng AB dài $6m$ vẽ trên bản đồ có tỉ lệ $2:300$ thì có độ dài thu nhỏ là bao nhiêu *xăng-ti-mét*?

- A. 2cm B. 4cm C. 2 D. 4

PHẦN II : TƯ LUẬN: (3 điểm)

Bài 1(M1-1 điểm). Tính:

$$\frac{7}{8} + \frac{9}{4}$$

$$\frac{5}{8} - \frac{4}{7}$$

$$\frac{15}{8} : \frac{5}{6}$$

$$\frac{8}{9} \times \frac{5}{4}$$

.....

.....

.....

Bài 2(M2-2 điểm). Một mảnh bìa hình chữ nhật có chu vi là $250cm$, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tìm diện tích mảnh bìa đó?

Tóm tắt

Bài giải

ĐÁP ÁN ĐỀ 04

Phần 1: Trắc nghiệm (7 điểm)

Câu 1. (M1-0, 5 điểm) D

Câu 2. (M3-0, 5 điểm) C

Câu 3. (M1- 0, 5 điểm) A

Câu 4 . (M3-0,5 điểm) B

Câu 5. (M1-0,5 điểm) D

Câu 6. (M2 -0, 5 điểm) C

Câu 7: (M2-0,5 điểm) A

Câu 8. (M1-0,5 điểm) B

Câu 9. (M3-1điểm) C

Câu 10. (M4-1điểm) A

Câu 11. (M3-1điểm) B

PHẦN 2 : Tự luận : (3 điểm)

Bài 1. (M1-1 điểm) HS đặt tính và tính đúng mỗi ý được 0,25 điểm.

$$\frac{7}{8} + \frac{9}{4} = \frac{7}{8} + \frac{18}{8} = \frac{25}{8}$$

$$\frac{5}{8} - \frac{4}{7} = \frac{35}{56} - \frac{32}{56} = \frac{3}{56}$$

$$\frac{15}{8} : \frac{5}{6} = \frac{15}{8} \times \frac{6}{5} = \frac{90}{40} = \frac{9}{4}$$

$$\frac{8}{9} \times \frac{5}{4} = \frac{8 \times 5}{9 \times 4} = \frac{40}{36} = \frac{10}{9}$$

Bài 2. (M2-2 điểm)

- Tìm nửa chu vi mảnh bìa là: $250 : 2 = 125$ (cm) **(0, 25 điểm)**

sau đó tóm tắt bằng sơ đồ: **0,25 điểm**

Bài giải

Chiều rộng mảnh bìa là: **(0, 25 điểm)**

$$125 : (3 + 2) \times 2 = 50 \text{ (cm)} \text{ **(0,25 điểm)**}$$

Chiều dài mảnh bìa là: **(0, 25 điểm)**

$$125 - 50 = 75 \text{ (cm)} \text{ **(0,25 điểm)**}$$

Diện tích mảnh bìa là:

$$75 \times 50 = 3750 \text{ (cm}^2\text{)} \text{ **(0,25 điểm)**}$$

$$\text{Đáp số : } 3750 \text{ cm}^2 \text{ **(0,25 điểm)**}$$

ĐỀ 05

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng từ câu 1 đến câu 7.

Câu 1: (1 điểm).

a) Phân số có giá trị bằng 1 là:

- A. $\frac{3}{3}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{7}{2}$

b) Phân số có giá trị bé hơn 1 là:

- A. $\frac{9}{8}$ B. $\frac{9}{9}$ C. $\frac{8}{9}$ D. $\frac{8}{8}$

Câu 2: (1 điểm).

a) Phân số $\frac{25}{100}$ rút gọn được phân số:

- A. $\frac{5}{10}$ B. $\frac{10}{20}$ C. $\frac{2}{8}$ D. $\frac{1}{4}$

b) Phân số gấp 4 lần phân số $\frac{3}{8}$ là:

- A. $\frac{12}{32}$ B. $\frac{12}{8}$ C. $\frac{3}{32}$ D. $\frac{7}{8}$

Câu 3: (1 điểm).

a) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $15\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ là:

- A. 150 B. 150 000 C. 15 000 D. 1500

b) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 3 tấn 5 tạ = kg là:

- A. 3500 B. 3005 C. 350 D. 305

Câu 4: (1 điểm) Một tổ có 12 bạn, trong đó có 5 bạn nữ. Tỷ số của số bạn nam và số bạn nữ của tổ đó là:

- A. $\frac{5}{12}$ B. $\frac{7}{12}$ C. $\frac{7}{5}$ D. $\frac{5}{7}$

Câu 5: (1 điểm) Giá trị của biểu thức $36576 : (4 \times 2) - 3708$ là :

- A. 863 B. 864 C. 846 D. 854

Câu 6 : (1 điểm) Giá trị của biểu thức $\frac{9}{16} - \frac{3}{16} : \frac{3}{8}$ là:

A. $\frac{15}{16}$

B. 1

C. $\frac{5}{16}$

D. $\frac{1}{16}$

Câu 7: (1 điểm) Một tấm kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 18cm và 30cm. Tính diện tích tấm kính đó.

A. 270cm²

B. 270 cm

C. 540cm²

D. 54cm²

Câu 8: (1 điểm) Tìm x, biết:

a) $\frac{3}{5} : x = 3$

b) $x : 52 = 113$

Câu 9: (1 điểm) Tính:

a) $\frac{1}{5} + \frac{4}{11} + \frac{4}{5} + \frac{7}{11}$

b) $\frac{5}{6} + (\frac{5}{9} - \frac{1}{4})$

Câu 10: (1 điểm). Tổng hai số bằng số nhỏ nhất có ba chữ số, số bé bằng $\frac{2}{3}$ số lớn. Tìm hai số đó.

ĐÁP ÁN ĐỀ 05

Câu	1a	1b	2a	2b	3a	3b	4	5	6	7
Đáp án	A	C	D	B	B	A	C	B	D	A
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0

Câu 8: (1 điểm) Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

a) $\frac{3}{5} : x = 3$

b) $x : 52 = 113$

$x = \frac{3}{5} : 3$

$x = 113 \times 52$

$x = \frac{1}{5}$

$x = 5876$

Câu 9: (1 điểm) Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

a) $\frac{1}{5} + \frac{4}{11} + \frac{4}{5} + \frac{7}{11} = (\frac{1}{5} + \frac{4}{5}) + (\frac{4}{11} + \frac{7}{11}) = 1 + 1 = 2$

b) $\frac{5}{6} + (\frac{5}{9} - \frac{1}{4}) = \frac{5}{6} + (\frac{20}{36} - \frac{9}{36}) = \frac{5}{6} + \frac{11}{36} = \frac{30}{36} + \frac{11}{36} = \frac{41}{36}$

Câu 10 (1 điểm).

Bài giải.

Số nhỏ nhất có ba chữ số là 100. Vậy tổng hai số là 100. (0,2 điểm)

Ta có sơ đồ:

$$\begin{array}{l} \text{Số bé:} \quad \text{-----} \quad \text{-----} \\ \text{Số lớn:} \quad \text{-----} \quad \text{-----} \quad \text{-----} \end{array} \quad \left. \vphantom{\begin{array}{l} \text{Số bé:} \\ \text{Số lớn:} \end{array}} \right\} 100$$

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là: $\left. \vphantom{\frac{100}{5}} \right\} 0,2 \text{ điểm}$
 $2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$

Số bé là: $\left. \vphantom{\frac{100}{5}} \right\} 0,25 \text{ điểm}$
 $100 : 5 \times 2 = 40$

Số lớn là: $\left. \vphantom{\frac{100}{5}} \right\} 0,25 \text{ điểm}$
 $100 - 40 = 60$

Đáp số: số bé: 40 $\left. \vphantom{\frac{100}{5}} \right\} 0,1 \text{ điểm}$
số lớn: 60

**Lưu ý: Sơ đồ có thể vẽ hoặc không. HS làm cách khác mà đúng vẫn cho điểm tối đa*